TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày 30-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Nguyễn Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần D; địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn Hậu, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần D (Giấy ủy quyền số 10103/2023/UQ-SeABank ngày 10/7/2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L; địa chỉ: Thôn Việt Khê, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 30 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/12/2021 Ngân hàng Thương mại Cổ phần D (sau đây viết tắt Ngân hàng) và ông Phạm Văn D, bà Bùi Thị L đã thỏa thuận ký Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân với hạn mức tín dụng đề nghị là 40.000.000 đồng. Ngày 07/01/2022 Ngân hàng và ông Phạm Văn D, bà Bùi Thị L tiếp tục ký Hợp đồng cho vay từng lần số REF2200600416/HDTD/HPK-NVT và khế ước nhận nợ Ngân hàng cho ông D, bà L vay số tiền 495.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân 10/01/2022, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,99%/năm, sau 12 tháng sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi lãi suất cơ sở do Ngân hàng ban hành từng thời kỳ, mức điều chỉnh lãi được xác định = lãi suất cơ sở Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,99%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 178,2 m^2 đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại Thôn Việt Khê, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 160D, tờ bản đồ số 03, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 688124, số vào sổ cấp GCN: CH 00099 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 23/9/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn D, vợ là bà Bùi Thị L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2200600416/HDTC/HPK-NVT ngày 07/01/2022 đã được công chứng và được đăng ký thế chấp theo quy định. Sau khi ký các hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền cho vay cho ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L theo Khế ước nhận nợ và Ủy nhiệm chi ngày 10/01/2022.

Quá trình vay, ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ là 117.594.692 đồng (bao gồm số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi). Sau đó ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/02/2023. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, có văn bản yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng ông D, bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, ông D và bà L đã tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.541.820 đồng vào dư nợ gốc. Tính đến hết ngày 30/01/2024 ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 490.970.485 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 424.802.312 đồng; nợ lãi trong hạn là 60.335.031 đồng; nợ lãi quá hạn là

5.833.142 đồng. Cụ thể của từng hợp đồng như sau: Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số REF2200600416: Số tiền nợ gốc là 424.342.580, nợ lãi trong hạn là 60.335.031 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.790.946 đồng. Đối với Thẻ tín dụng: Số tiền nợ gốc là 459.732 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.196 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ như trên và khoản tiền lãi tính từ ngày 31/01/2024 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 178,2 m^2 đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại Thôn Việt Khê, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 160D, tờ bản đồ số 03, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 688124, số vào sổ cấp GCN: CH 00099 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 23/9/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn D, vợ là bà Bùi Thị L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2200600416/HDTC/HPK-NVT ngày 07/01/2022. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay và phải chịu chi phí tố tụng số tiền là 5.000.000 đồng liên quan đến việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm

- Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn D bà Bùi Thị L có lời khai thể hiện:

Ông Nguyễn Văn D bà Bùi Thị L thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần D vay số tiền là 495.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất và thời hạn vay theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 07/01/2022 và số tiền 40.000.000 đồng vay qua thẻ tín dụng. Bà L, ông D đã nhận đủ số tiền vay do Ngân hàng giải ngân. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông D, bà L đã thanh toán trả cho Ngân hàng một phần nợ gốc, nợ lãi nhưng sau đó do khó khăn nên bà L, ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện ông D, bà L thừa nhận còn nợ số tiền như Ngân hàng trình bày và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng bà thời gian để thu xếp trả nợ dần cho Ngân hàng vì hiện nay do tình hình kinh tế khó khăn nên ông D, bà L chưa trả nợ ngay được. Hiện nay bà L, ông D đang quản lý, sử dụng tài sản bảo đảm, không có gì thay đổi so với khi thế chấp và không có tranh chấp với ai. Trường hợp không trả được nợ cho Ngân hàng ông D, bà L cũng đồng ý phát mại tài sản đã bảo đảm theo quy định.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc D theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 280, 298, 299, 303, 317, 320, 323, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần D, buộc ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số REF2200600416/HDTD/HPK-NVT ngày 07/01/2022 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 27/12/2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 490.970.485 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 424.802.312 đồng; nợ lãi trong hạn là 60.335.031 đồng; nợ lãi quá hạn là 5.833.142 đồng. Cụ thể của từng hợp đồng như sau: Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số REF2200600416: Số tiền nợ gốc là 424.342.580, nợ lãi trong hạn là 60.335.031 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.790.946 đồng. Đối với Thẻ tín dụng: Số tiền nợ gốc là 459.732 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.196 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần D có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2200600416/HDTC/HPK-NVT ngày 07/01/2022 đã ký giữa ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L - bên thế chấp và Ngân hàng Thương mại Cổ phần D - bên nhận thế chấp. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất ở đối với quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 178,2 m^2 đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại Thôn Việt Khê, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 160D, tờ bản đồ số 03, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 688124, số

vào sổ cấp GCN: CH 00099 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 23/9/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn D, vợ là bà Bùi Thị L. Ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn D, bà Bùi Thị L là tranh chấp phát sinh trong hoạt động dân sự về hợp đồng tín dụng do mục đích của một trong các bên không có lợi nhuận mà để tiêu dùng, bị đơn là ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L có nơi cư trú tại xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L.

[3] Về áp dụng pháp luật: Việc ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số REF2200600416/HDTD/HPK-NVT ngày 07/01/2022 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 27/12/2021; Khế ước nhận nợ, Ủy nhiệm chi ngày 10/01/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2200600416/HDTC/HPK-NVT ngày 07/01/2022 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn D, bà L Thị L được xác lập sau thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn và đánh giá chứng cứ:

[4.1] Đối với yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay từng lần số REF2200600416/HDTD/HPK-NVT ngày 07/01/2022 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 27/12/2021 tính đến hết ngày 30/01/2024 tổng số tiền là 490.970.485 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 424.802.312 đồng; nợ lãi trong hạn là 60.335.031 đồng; nợ lãi quá hạn là 5.833.142 đồng. Cụ thể của từng hợp đồng như sau: Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số

REF2200600416: Số tiền nợ gốc là 424.342.580, nợ lãi trong hạn là 60.335.031 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.790.946 đồng. Đối với Thẻ tín dụng: Số tiền nợ gốc là 459.732 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.196 đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày 31/01/2024 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ Hợp đồng tín dụng, lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Xét Hợp đồng cho vay từng lần số REF2200600416/HDTD/HPK-NVT ngày 07/01/2022 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 27/12/2021 được ký giữa Ngân hàng và ông D, bà L là tự nguyện, có nội dung, mục đích và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng cho vay từng lần số REF2200600416/HDTD/HPK-NVT ngày 07/01/2022 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 27/12/2021 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng đã giải ngân cho ông D, bà L đủ số tiền vay nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D, bà L không trả được số tiền nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Như vậy, việc khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn D, bà Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến hết ngày 30/01/2024 tổng số tiền là 490.970.485 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 424.802.312 đồng; nợ lãi trong hạn là 60.335.031 đồng; nợ lãi quá hạn là 5.833.142 đồng (cụ thể của từng hợp đồng như sau: Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số REF2200600416: Số tiền nợ gốc là 424.342.580, nợ lãi trong hạn là 60.335.031 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.790.946 đồng. Đối với Thẻ tín dụng: Số tiền nợ gốc là 459.732 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.196 đồng) và khoản tiền lãi tính từ ngày 31/01/2024 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ gốc vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4.2] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 178,2 m^2 đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại Thôn Việt Khê, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 160D, tờ bản đồ số 03, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 688124, số vào sổ cấp GCN: CH 00099 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 23/9/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn D, vợ là bà L Thị L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2200600416/HDTC/HPK-NVT ngày 07/01/2022. Xét Hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất số REF2200600416/HDTC/HPK-NVT ngày 07/01/2022 được ký giữa chủ tài sản là ông Nguyễn Văn D, bà Bùi Thị L và Ngân hàng là tự nguyện, được công chứng và tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo quy định, có mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với các quy định tại các Điều 298, 317 của Bộ luật Dân sự và không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2200600416/HDTC/HPK-NVT ngày 07/01/2022 có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp. Do đó, trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 303, 323, 500 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần D số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đối với số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần D đã nộp nên bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 274, 280, 298, 299, 303, 317, 320, 323, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần D, buộc ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D số tiền nợ của Hợp đồng cho vay từng lần số REF2200600416/HDTD/HPK-NVT ngày 07/01/2022 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 27/12/2021, tính đến hết ngày 30/01/2024 tổng số tiền là

490.970.485 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 424.802.312 đồng; nợ lãi trong hạn là 60.335.031 đồng; nợ lãi quá hạn là 5.833.142 đồng. Cụ thể của từng hợp đồng như sau: Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số REF2200600416: Số tiền nợ gốc là 424.342.580, nợ lãi trong hạn là 60.335.031 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.790.946 đồng. Đối với Thẻ tín dụng: Số tiền nợ gốc là 459.732 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.196 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần D có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2200600416/HDTC/HPK-NVT ngày 07/01/2022 đã ký giữa ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L - bên thế chấp và Ngân hàng Thương mại Cổ phần D - bên nhận thế chấp.

Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 178,2 m^2 đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại Thôn Việt Khê, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 160D, tờ bản đồ số 03, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 688124, số vào sổ cấp GCN: CH 00099 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 23/9/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn D, vợ là bà Bùi Thị L.

Sau khi phát mại tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L; nếu thiếu thì ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.639.000 đồng (đã làm tròn số) và phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.000.000 đồng theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008936 ngày 13 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà